HÀNH XỬ CỦA NGUYỄN THIẾP TRƯỚC THỜI CUỘC VÀ NHỮNG ĐÁNH GIÁ CỦA HẬU THẾ

PHAN NGỌC HUYỀN*

1. Nguyễn Thiếp với nghịch cảnh thời cuộc

Lịch sử Đại Việt thế kỉ XVIII có nhiều biến động và bất ổn. Khối thống nhất theo mô hình trung ương tập quyền bị phá vỡ. Cục diện "lưỡng đầu chế" với sự tồn tại song song của hai chính quyền vua Lê - chúa Trịnh đã được duy trì trong thời gian dài. Về danh nghĩa, vua Lê vẫn được coi là người đứng đầu quốc gia nhưng trên thực tế chỉ tại vị hư danh. Mọi quyền hành rơi vào tay chúa Trịnh. Vua Lê chỉ còn được nắm giữ 5.000 quân túc vệ để canh phòng cung điện cùng 7 thớt voi, thuyền rồng và 1.000 xã làm bổng lộc thượng tiến.

Để có thể phục vụ ngân sách cho hai bộ máy chính quyền song song tồn tại, nhà nước cho phép tình trạng mua quan bán tước diễn ra công khai. Tình trạng thí sinh chỉ cần nộp cho nhà nước ba quan tiền để được vào dự kì thi Hương (còn gọi là tiền thông kinh) mà không phải qua kì thi khảo hạch đã làm nảy sinh hiện tượng "sinh đồ ba quan". Đây là thời đại mà việc thi cử và ra làm quan trong triều đình lúc này trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết. Từ người làm ruộng, người đi buôn cho đến người bán thịt lợn đều đổ xô nhau nộp tiền đi thi và tranh giành lấy một chức quan nào đó, đúng như Phan Huy Chú từng viết trong *Lịch triều hiến chương loại chí* rằng: "Nào là mang sách, nào là hỏi chữ, nào là mượn người thi thay, công nhiên làm bậy, không còn biết phép tắc là gì" (1).

Việc đồng tiền ngày càng có vai trò quan trọng chi phối trong thi cử, tuyển dụng quan lại cũng là một trong những nhân tố tạo nên sự giải thiêng của các luân thường đạo lí Nho giáo, khiến cho những điều thuộc về chân giá trị dễ dàng bị đảo lộn.

Tình trạng này khiến cho bộ máy quan lại các cấp, đặc biệt ở địa phương trở nên cồng kềnh, nhiễu nhương. Hiện tượng cường hào làng xã nổi lên như một minh chứng rõ nét cho thực trạng "thượng bất chính, hạ tắc loạn". Chính điều đó đã châm ngòi cho các cuộc khởi nghĩa nông dân lần lượt bùng nổ từ Đàng Ngoài lan vào Đàng Trong, tạo thành một làn sóng mạnh mẽ vào thế kỉ XVIII khiến nhiều nhà sử học phải gọi đó là thế kỉ của phong trào nông dân khởi nghĩa mà kết tinh đỉnh cao là phong trào Tây Sơn.

Sự khủng hoảng của khoa cử, giáo dục và hệ tư tưởng Nho giáo cũng khiến chất lượng giới nho sĩ được đào tạo ngày càng bị hạn chế. Phạm Đình Hổ trong *Vũ trung tùy bút* đã nhận xét chung về nhân cách khí tiết của các nho sĩ quan liêu thời kì này: "Từ đời Lê Trung hưng trở về sau, văn thể

*PGS.TS. Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

ngày càng kém... Những kẻ ra ứng dụng cho đời thì phần nhiều là những phường hủ lậu, ít người tài giỏi... Những kẻ chuộng công danh lúc bấy giờ chỉ theo đòi hóng gió, nhặt lấy những chữ bã mía của tiền nho, tập làm cái lối văn chương hoa hoè, chứ không có căn bản gì cả" (2).

Nhìn chung, bức tranh xã hội Đại Việt thế kỉ XVIII có khá nhiều gam màu tối. Nguyễn Thừa Hỷ cho rằng, đây vừa là những thế kỷ của suy sụp, đồng thời cũng là những thế kỷ của trỗi dậy. Mô hình thiết chế chính trị quân chủ tập quyền cũ và hệ tư tưởng Nho giáo chính thống bị đem ra thử thách và chao đảo trước thực tế sinh động, khắc nghiệt của thời cuộc. Kết quả đã làm xuất hiện một hình ảnh của một xã hội mờ nhoà, vá víu, trong giai đoạn cuối càng đi đến gần sự suy thoái về chính trị và hệ tư tưởng. Lý tưởng ly khai với cuộc sống, cái danh ngày càng xa rời cái thực. Khuôn vàng thước ngọc và những thần tượng bị sụp đổ trước thế lực của đồng tiền lên ngôi (3). Nói như Phạm Đình Hổ, lúc này "đời suy thói tệ, danh phận lung tung". Những người nho sĩ - quan liêu đương thời, với vốn tri thức và trải nghiệm, chắc chắn đều cảm nhận được được điều đó.

Trong bối cảnh đó, bộ phận nho sĩ phân hóa với những thân phận rất khác nhau. Theo phân loại của Nguyễn Thừa Hỷ: Có loại gọi là hàn nho (tức những nho sinh bình dân đang dùi mài kinh sử, chưa hề đỗ đạt gì hoặc nhiều lần thi hỏng); có loại gọi là hiển nho hay nho sĩ - quan liêu (tức những nho sĩ thành đạt trong khoa bảng và quan tước), và cũng có loại gọi là ẩn nho (tức những nho sĩ đã từng làm quan, vì nhiều lý do đã treo ấn từ quan về nhà ở ẩn (4).

La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp có thể xếp vào đội ngũ ẩn nho, xét cho cùng cũng bởi thời thế đưa đẩy. Từng ra làm quan với chức Huấn đạo Anh Đô (năm 34 tuổi), Tri huyện Thanh Chương (năm 40 tuổi) nhưng thời thế biến động, từ chỗ "ưu thời mẫn thế" đến chán nản, ông quyết định từ quan năm 46 tuổi (1768) rồi về ở ẩn trên núi Thiên Nhẫn, thành Lục Niên.

Vốn là thần tử của nhà Lê, phải chứng kiến cảnh "Hoàng gia giữ uy phúc, Vương phủ nắm quyền bính", Nguyễn Thiếp không khỏi đau lòng. Ông hiểu rằng không thể nào xoay chuyển được tình thế nên đã tìm con đường lui về ở ẩn, ngậm ngùi than thở với gió trăng trước nghịch cảnh thời thế:

"*Dĩ hĩ Văn vương bất khả phùng*

Tứ dân bách nghệ trường bần cùng".

Dịch nghĩa:

Than ôi, ta chẳng gặp được thời Văn vương

Suốt bốn dân trăm họ nghèo khổ cùng quẫn mãi (5).

2. Hành xử của Nguyễn Thiếp đối với triều Tây Sơn

Năm 1771, phong trào Tây Sơn bùng nổ và nhanh chóng giành được nhiều thắng lợi. Sự hưng khởi của Tây Sơn đưa đến hi vọng về một chính quyền mới có thể thống nhất được quốc gia, chấm dứt tình trạng khủng hoảng của chế độ quân chủ. Thời thế xoay vần, anh hùng xuất thế, kẻ xu thời thì phải nhanh chóng theo về minh chủ mới.

Tuy nhiên, thái độ và thế hành xử của Nguyễn Thiếp đối với triều Tây Sơn lại là một quá trình với những diễn biến phức tạp: từ lạnh lùng, bất hợp tác đến e dè cuối cùng mới cởi mở, chân thành đồng ý ra giúp sức.

Tháng 12 năm 1786, Nguyễn Huệ viết thư, soạn lễ vật sai hai quan lại của bộ Hộ và bộ Binh mang đến sơn trại đón Nguyễn Thiếp. Trong thư, Nguyễn Huệ tỏ ý muốn mời Nguyễn Thiếp ra giúp với lời lẽ trọng vọng tôn Nguyễn Thiếp lên bậc Y Doãn, Chu Công. Bấy giờ Nguyễn Thiếp vẫn còn nặng lòng với nhà Lê nên liền viết thư phúc đáp trả thư mời cùng lễ vật.

Không chỉ lạnh lùng với Tây Sơn, Nguyễn Thiếp còn bất hợp tác. Ở cuối bức thư ông vẫn dùng niên hiệu Cảnh Hưng, *"Chiêu Thống năm đầu*" - những niên hiệu của triều Lê.

Ngày 10 tháng 8 năm 1787, Nguyễn Huệ lần thứ hai cử các trọng thần là Lưu thủ Nguyễn Văn Phương và Binh Bộ Thị lang Lê Tài mang thư và lễ vật lên sơn trại. Lần này, lời lẽ trong thư thống thiết và trân trọng hơn "mong phu tử nghĩ đến thiên hạ với sinh dân, vụt đứng dậy đi ra để cho quả đức có thầy mà nhờ, cho đời này có người mà cậy. Như thế mới ngõ hầu khỏi phụ lòng ý trời sinh ra kẻ giỏi" (6).

Lần này, Nguyễn Thiếp biết Nguyễn Huệ thực lòng muốn trọng dụng nên có phần kiêng nể hơn. Tuy nhiên, ông vẫn muốn làm một trung thần nhà Lê nên mượn cớ tuổi cao, bệnh tật hiểm nghèo không thể tham gia.

Nguyễn Huệ đọc thư trả lời hồi đáp của Nguyễn Thiếp nhưng không bỏ cuộc. Hơn 10 ngày sau, Nguyễn Huệ lại sai Thượng thư bộ Hình là Hồ Công Thuyên mang một bức thư dài lên núi. Bức thư này tiếp tục thể hiện sự ngưỡng mộ cao Nguyễn Thiếp với sự khẩn thiết: "Trông lên thành Lục niên có người tài đương ở đó, ấy là trời để dành phu tử cho quả đức vậy. Tuy phu tử không thèm tới nhưng lòng dân đen trông ngóng phu tử ngõ ngơ lãng được sao?" (7). Sự trân trọng của Nguyễn Huệ đặt Nguyễn Thiếp vào tình huống khó có thể từ chối nhưng ông vẫn chưa chịu xuống núi.

Sau ba lần gửi thư mời thất bại, tháng 4 năm 1788, Nguyễn Huệ trên đường ra Thăng Long lại viết một lá thư ngắn mời ông ra gặp tại đại bản doanh Tây Sơn đóng ở núi Nghĩa Liệt.

Hai người gặp nhau dưới chân cột cờ Trương Phụ - nơi Nguyễn Biểu từng vâng lệnh vua Trần tới dinh Trương Phụ cầu phong nhưng sau đó bị giết hại. Cuộc gặp gỡ được sắp đặt tại đây hẳn nhằm lấy tích xưa để uy hiếp tinh thần của Nguyễn Thiếp: "Ý tiên sinh cho quả nhân là thằng giặc nhỏ, không đủ làm kẻ anh hùng trong thiên hạ chăng?". Trước tình thế đó, Nguyễn Thiếp vẫn bình tĩnh hồi đáp: "Hơn 200 năm nay quyền về tay họ Trịnh hung bạo. Vương mới đưa quân ra một lần mà dứt được, lập lại nhà Lê. Với danh nghĩa thì anh hùng ai lại chả theo. Nếu giả tiếng nhân nghĩa nói dối tôn vua để lấy tiếng thù lại hóa ra một kẻ gian hùng" (8).

Trên thực tế, tấm chân tình và tài năng của Nguyễn Huệ đã dần khiến Nguyễn Thiếp cảm phục. Sau cuộc gặp gỡ này, dù Nguyễn Thiếp chưa ra làm quan nhưng Nguyễn Huệ vẫn cầu thị nhờ ông chọn đất xây dựng thành Phượng Hoàng trung đô ở núi Dũng Quyết (phía Nam Thành phố Vinh ngày nay); hoặc hỏi ông về kế sách đánh quân Thanh trên đường qua trấn (doanh) Nghệ An để tiến quân ra Bắc (năm 1788).

Từ sau chiến thắng quân Thanh năm 1789, Nguyễn Thiếp thấy vận của nhà Lê thực sự đã hết khi "chúa tầm thường, tôi nịnh hót, quốc phá, gia vong". Ông tình nguyện vào Phú Xuân cộng tác với Tây Sơn với mong muốn góp chút sức lực và trí tuệ của mình để giúp cho triều đình. Ông bày tỏ chính kiến và khuyên vua Quang Trung ba điều liên quan đến quân đức, dân tâm và học pháp, trong đó chú trọng vào việc thay đổi phép học.

Năm 1791, khi quyết định lập Sùng Chính thư viện, vua Quang Trung đã giao cho Nguyễn Thiếp chức Viện trưởng, ban cho hiệu La Sơn tiên sinh, chuyên coi việc dịch sách, dạy học.

Ngày 29 tháng 7 năm 1792, vua Quang Trung đột ngột băng hà, Sùng Chính viện

từ đó cũng ngừng hoạt động. Cuối năm đó, khi ở tuổi thất thập, Nguyễn Thiếp trả lại bổng lộc cho vua Cảnh Thịnh, lại xin quay về núi, tự lấy cảnh lâm tuyền làm vui, "không bận lòng đến việc trần ai nữa". Mặc dù sau đó ông có giao thiệp với vua Cảnh Thịnh và chúa Nguyễn Ánh, nhưng chí ông vẫn quyết chí ở lại núi cũ đến khi qua đời.

3. Những đánh giá của hậu thế

Cách hành xử của Nguyễn Thiếp trước thời cuộc, nhất là với triều Tây Sơn nói chung và vua Quang Trung nói riêng khiến người đời sau có nhiều góc nhìn khác biệt theo hướng khen, chê. Người chê thì đánh giá ông tầm thường, xu thời bỏ đạo; người khen thì biểu dương ông khí tiết thanh cao, tùy thời hành đạo.

Về xu hướng chê cách hành xử của Nguyễn Thiếp: Trong hạng sĩ phu không phục La Sơn phu tử, có Hoàng giáp Bùi Dương Lịch. Bùi Dương Lịch là thuộc cấp, từng làm việc cùng với Nguyễn Thiếp ở Sùng Chính viện. Bùi Dương Lịch đã châm biếm Nguyễn Thiếp:

"Nhất Nguyệt Ao dân vô sở lại
Lục Niên thành thạch cánh di ô".

Dịch nghĩa:

"Làng Nguyệt Ao, dân không chỗ cậy
Thành Lục Niên đá hãy còn dơ".

Hai câu thơ nói về việc La Sơn phu tử được cấp thuế đinh điền của xã Nguyệt Ao khi ông ra làm quan dưới triều Tây Sơn và ám chỉ việc Nguyễn Thiếp đã ra giúp Tây Sơn nhận đứng đầu Sùng Chính viện lập ở cạnh thành Lục Niên (9). Bên cạnh đó, Bùi Dương Lịch cũng từng chê Nguyễn Thiếp (qua bài thơ vịnh núi Kim Nhan) là kiến thức hủ lậu (10).

Theo Lê Thúc Thông (1926), sau khi Nguyễn Thiếp mất, cũng có kẻ bàn việc ông ở ẩn, sau lại ứng sinh [làm việc cho] Tây Sơn chính là bày đường "sĩ hoạn tiệp kính" [lối tắt về con đường ra làm quan] cho kẻ sau. Vậy có thơ rằng:

Nguyên văn:

高 才 原 不 买 林 泉
只 为 浮 名 却 学 仙
黎 租 剑 鸣 曾 此 地
光 平 车 到 记 当 年
人 推 理 学 存 诗 草
帝 奖 耆 英 溢 史 编
带 得 羅 山 夫 子 号
商 周 堂 陛 首 阳 巅"

Phiên âm:

"Cao tài nguyên bất mãi lâm tuyền
Chỉ vị phù danh khước học tiên
Lê tổ kiếm minh tằng thử địa
Quang Bình xa đáo kí đương niên
Nhân suy lí học tồn thi thảo
Đế tưởng kì anh dật sử biên
Đái đắc La Sơn phu tử hiệu
Thương Chu đường bệ Thú Dươngđiên".

Tạm dịch:

Người tài cao vốn chẳng tìm đến việc ở ẩn,
Chỉ vì cái danh phù phiếm mà bỏ học đạo [tiên].
Tiếng vang Lê Thái Tổ khởi binh còn vang ở đất này,
Năm đó còn ghi xa giá của vua Quang Trung đến.
Người từ bỏ Lí học, thỏa chí ở thi ca,
Vua thưởng cho người, việc ấy chính sử có khi còn biên sót.
Được mang hiệu là La Sơn Phu tử,
Triều Thương Chu còn sự tích về Bá Di, Thúc Tề trên đỉnh núi Thú Dương.

Lê Thúc Thông luận rằng: Câu ấy chắc trọng [Bá] Di, [Thúc] Tề, đối với Nguyễn

Thiếp hình như có ý bất mãn, song chẳng qua là "văn sĩ thiệt doan" [miệng lưỡi của kẻ sĩ/người đời] đều là thiên kiến cả (11).

Tác giả Vũ Đức Phúc trong hai bài viết : "Từ Ngô Thì Nhậm đến trào lưu văn học Tây Sơn", *Tạp chí Văn học,* số 4 -1973 và "Hoàng Lê nhất thống chí và sự thực lịch sử chung quanh việc đại phá quân Thanh", Tạp chí *Văn học,* số 3 - 1974 có quan điểm không nên thổi phồng Nguyễn Thiếp và đánh giá tài năng của La Sơn phu tử chỉ ở mức tầm thường. Nhà nghiên cứu này thậm chí còn đánh giá có phần cực đoan khi cho rằng Nguyễn Thiếp theo phò Quang Trung chỉ là hành động xu thời. Trong bài viết "Từ Ngô Thì Nhậm đến trào lưu văn học Tây Sơn", Vũ Đức Phúc viết: "Vì Nguyễn Thiếp có ảnh hưởng trong nhân dân ít nhiều nên Quang Trung cũng muốn lôi kéo ông ta để lôi kéo nhiều quan lại cũ của nhà Lê ở Thanh - Nghệ lúc ấy đang chống Tây Sơn kịch liệt. Xét cho kĩ ông ta cũng chỉ là ông đồ nho tầm thường không có tài năng gì, và ông ta theo Tây Sơn cũng là "khôn" lắm nghĩa là cũng "tùy thời" đáo để. Khi Tây Sơn rất mạnh thì ông theo, nhưng có dấu hiệu suy yếu thì ông rút lui, kéo không lại" (12).

Về xu hướng khen cách hành xử của Nguyễn Thiếp:

Hoàng Xuân Hãn khi khảo cứu "*Lê mạt tiết nghĩa lục*", đã tìm thấy một đoạn tư liệu đánh giá về La Sơn phu tử theo hướng rất thiện chí: "Than ôi! Lưu phong, dư vận của tiên sinh rành rành ra đó. Thế mà có kẻ ghen ghét, giận sự hơn mình. Lúc tiên sinh còn thì không có gì khác nhau. Sau khi tiên sinh mất, lại trích những khiêm từ trong thi văn, cho là lầm lỗi lớn. Biện lắt léo để bàn và chế nhạo. Rất là không biết lượng vậy" (13).

Tiến sĩ Trần Bá Lãm, người làng Vân Canh, huyện Từ Liêm (Hà Nội) từng thay mặt hàng huyện La Sơn làm bài văn tế La Sơn phu tử có tựa đề "*Bản huyện khóc Nguyệt Ao Nguyễn Hạnh am*, trong đó có đoạn nhằm thân oan giải thích cho những hành xử của Nguyễn Thiếp:

"Đương khi nhà nước đạo thịnh, người ta vui ra làm quan; chỉ một mình Tiên sinh từ nhật - nguyệt mà vui với yên hà. Dựng nhà ở chốn danh sơn, gác công danh ngoài bụng nghĩ.

Rốt cuộc lại có trấn binh đưa lễ vật tới đón. Sự ấy đã lâu ngày chưa từng thấy. Tuy chẳng gặp thời, nên chưa thi triển chí mình được, nhưng cũng đã tỏ rõ có con mắt khinh đời.

Kịp khi quốc vận suy đồi, Tây Sơn chiếm cứ. Tiên sinh lại vì giỏi giang trọng vọng, trước nhất bị mời ra. Kẻ cho ra là phải, mừng Tiên sinh ra làm. Kẻ cho lui là hay, sợ Tiên sinh mang tiếng.

Một mình Tiên sinh nhận lễ và ra, rồi từ chức lại về. Giúp Tây Sơn mà không trái đạo. Tây Sơn lấy binh dân Nguyệt Ao để ban lộc, đặt thư viện Nam hoa để trọng đãi. Tiên sinh ung dung tiến thoái, thật là khác thường muôn vàn bực" (14).

Khoảng năm 1825 - 1826, Nguyễn Đồ - Tri phủ Đức Thọ khi đi qua mộ Nguyễn Thiếp cũng có bài văn điếu ca ngợi tài năng, đức độ của ông: "Tư cách phi phàm, vui với đạo nghĩa", "Chí chẳng làm quan, phú quý khinh như mảy rác. Lòng thủ tiết của Tiên sinh, quân tử khó mà theo được" (15).

Lê Thúc Thông đã đánh giá: "Văn chương lí học, Nguyễn Thiếp chẳng kém Trình Tuyền [tên hiệu của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm], mà viễn vận thanh phong Nguyễn Thiếp cũng không kém Tiều Ẩn [tên hiệu của Chu Văn An]" (16).

Trung hưng rồi [tức khi vương triều Nguyễn thành lập], Ngô [Thì] Nhậm, Phan Huy Ích đều bị tội trượng, mà Nguyễn Thiếp xin hoàn sơn [về núi], đức Cao Hoàng [tức Gia Long] có dụ rằng: "Khanh, xỉ đức câu ưu, tối thiếp nhân vọng, hoàn sơn chi nhật, đương tự đào thục đa sĩ, phấn dung hi triều" (*Nghĩa là*: Ngươi, tuổi đức đều hơn, rất là thuyết phục lòng người, khi về lại núi, phải nên hun đúc dạy lấy nhiều kẻ sĩ (học trò), phấn chấn mà báo đáp triều đình đương lúc thịnh trị) (17).

Lê Thúc Thông bình luận rằng: "Dụ ấy vẫn là bao tưởng thầy Nguyễn Thiếp, mà cũng bồi thực cho kẻ sĩ muôn đời" (18).

Trong cuốn "*La Sơn phu tử*", Hoàng Xuân Hãn đã trình bày những nghiên cứu của mình về La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp trong 25 chương. Tác giả dành riêng chương XXV "Tâm lý và chính kiến" để giải thích, đánh giá về việc ở ẩn, việc nhận lời ra giúp Quang Trung, việc từ quan dưới thời Cảnh Thịnh của Nguyễn Thiếp.

Về việc ở ẩn: Sau khi phân tích bối cảnh chính trị "vua Lê - chúa Trịnh" ở Đàng Ngoài vào cuối thế kỉ XVIII, Hoàng Xuân Hãn cho rằng Nguyễn Thiếp xin về ở ẩn vì thấy bất lực trước thời cuộc, dù thực tâm sự ưu thời mẫn thế ở trong con người ông không hề nguội lạnh: "Phu tử thì chức nhỏ, nếu có muốn xoay trở phong triều, cũng không tài nào làm nổi. Lúc ra làm quan, phu tử nhận giáo chức. Ý chừng trong phạm vi chật hẹp một huyện, muốn đổi chí hướng của sĩ phu. Đến khi sang chính thức, thấy không những chí mình khó đạt mà cảnh ngộ ép mình làm những việc trái với lương tâm; cho nên phu tử trở về ẩn dật. Phu tử ẩn cư không phải vì ưa nhàn. Không phải như các dật khách khác, sau cuộc đời lăn lộn ở chốn quan trường, về già tìm chốn lâm tuyền để yên tuế nguyệt. Trong các thơ của phu tử không có câu nào tán cảnh an nhàn mà khinh thế sự. Ở trên núi, phu tử vẫn chú ý về đạo đức, bằng cách cư xử, bằng cách giáo huấn. Nhờ phu tử mà nho phong lan khắp cả vùng Hoan Châu. Phu tử ở ẩn để đợi thời" (19).

Về việc Nguyễn Thiếp cuối cùng chịu ra giúp vua Quang Trung, Hoàng Xuân Hãn cho rằng La Sơn Phu tử không chỉ bị cảm hóa trước sự trân trọng hết mức của Nguyễn Huệ - Quang Trung dành cho mình, mà bằng chính nhãn quan chính trị của mình, chính Nguyễn Thiếp cũng thấy rõ được vận nước của họ Lê đã mất, nhân dân đã quá cực khổ trước nạn binh đao, loạn lạc nên trước cơ hội có thể hiện thực hóa được việc đem một phần tài trí của mình ra giúp đời, ông cuối cùng đã đồng ý ra giúp Quang Trung.

Sau khi Quang Trung mất, minh quân không còn, biết rằng thời vận lại đã thay đổi mà tuổi đã "thất thập cổ lai hi" nên Nguyễn Thiếp đã quyết định trả bổng lộc từ quan để quay về núi.

Tác giả Tạ Ngọc Liễn thể hiện sự thông cảm, đồng tình và đã đánh giá cao nhân cách, tư tưởng chính trị cũng như cách hành xử của Nguyễn Thiếp: "Chuyện Nguyễn Thiếp từ quan về ở ẩn được "kẻ sĩ" khắp nước biết và tán tụng. Người ta ca ngợi việc làm ấy của Nguyễn Thiếp vì ngưỡng mộ thanh danh, học vấn cụ, kính trọng tiết tháo cụ; mặt khác hình như muốn lấy thái độ sống trong sạch, không bon chen vì danh lợi, xu phụ quyền thế của ông để thức tỉnh bao kẻ sĩ khác đang mê muội trong cái vòng đó" (20).

Vũ Duy Mền viết về La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp, đã nhận định: "Phu tử luôn giữ được khí chất thanh cao của một nhà Nho - một người thầy, xuất xử không những hợp với thời mà còn hợp lẽ đời, luôn hướng đến ích quốc, lợi dân" (21).

Một vài ý kiến tham góp thêm của tác giả

Để đánh giá thái độ, cách hành xử và công trạng của một người, dân gian vẫn thường nói "cái quan định luận". Nhưng thực tế, có những nhân vật lịch sử sau khi qua đời vẫn không dễ có góc nhìn thống nhất trong cách đánh giá. La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp là một nhân vật như vậy. Việc hậu thế có những đánh giá trái chiều theo hướng khen chê cách hành xử của Nguyễn Thiếp là hiện tượng rất bình thường (dù tựu trung kẻ chê hiếm có mà người khen phần nhiều). Những đánh giá của các học giả tiền bối đã từng bước đạt đến sự khách quan, công bằng, biện chứng hơn khi đặt từng trạng thái hành xử của Nguyễn Thiếp ở mỗi giai đoạn vào hoàn cảnh lịch sử riêng của nó. Ngoài sự tán đồng với cách tiếp cận này, tác giả xin góp thêm một số góc nhìn nhỏ như sau thay cho phần kết của bài viết:

Thứ nhất, mọi hành xử của Nguyễn Thiếp cho thấy ông tùy thời hành đạo chứ không xu thời, cũng không hoàn toàn cực đoan ngoảnh mặt với thời cuộc.

Là một trí thức trung thành của Nho gia, La Sơn phu tử hiểu rõ hơn hết những luân thường đạo lí của Nho giáo về chữ trung, hiếu, tín, nghĩa… Ông chắc hẳn cũng nhận thức rõ sứ mệnh của người quân tử trong việc phải "tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ". Trên thực tế, ông cũng có khát vọng giúp đời giúp nước để thỏa chí bình sinh khi tuổi còn trẻ và đã hành đạo đúng như lí tưởng của người quân tử. Theo Phạm Văn Đức, Nguyễn Tài Đông, lí tưởng của Nho giáo là kinh bang tế thế, xây dựng quốc gia giàu mạnh, mang lại hạnh phúc cho nhân sinh. Mạnh Tử trong thiên "Tận tâm thượng" có nói: "Cùng tắc độc thiện kỳ thân, đạt tắc kiêm thiện thiên hạ" (Khi chưa gặp thời thì làm điều tốt cho riêng mình, lúc hiển đạt thì làm thiện khắp thiên hạ). Lí tưởng này được thể hiện qua mối quan hệ giữa hai khái niệm, cũng là hai con đường cơ bản của Nho giáo là "Nội thánh" và "Ngoại vương": giải quyết mối quan hệ giữa đạo đức và chính trị, giữa chiều hướng nội và chiều hướng ngoại, giữa lý tưởng và hoạt động thực tiễn (22). Trên thực tế, sau khi thi Hội đậu tam trường (nhưng không trúng cách), Nguyễn Thiếp đã ra làm quan: Nhận chức Huấn đạo Anh Đô trong 6 năm (từ 1756 đến 1762), giữ chức Tri huyện Thanh Chương cũng trong 6 năm (từ 1762 đến 1768). Tuy nhiên, thời cuộc rối ren, chí bình sinh khó thỏa nên Nguyễn Thiếp đã xin từ quan sau 12 năm thử sức ở chốn quan trường (năm 46 tuổi). Rõ ràng, ngay từ đầu La Sơn phu tử đã không lánh đời. Nhưng chỉ 12 năm sau, ông lại quyết định từ quan, tìm về chốn sơn cùng, "chỉ lấy đạo làm đèn, soi đường tiến thoái" (23), dù việc đi ở ẩn, tìm đến sự nhàn hạ, không phải là mục đích của mình. Trong bài thơ *Sĩ các hữu chí*, ông đã thể hiện rõ phần nào cho thấy những tâm tư của Nguyễn Thiếp:

"Trong cõi anh hùng sinh lắm kẻ
Mỗi người một chí phải đâu chung
Người ra đức cả công lừng thế
Kể ẩn danh cao đạo thuận lòng
Mục Dã mảnh nhưng gây đại nghiệp
Lô Sơn chòi liễu nổi thanh phong
Tùy thời co duỗi âu là phải
Đạo ấy ta đây rắp gắng công" (24).

Nói Nguyễn Thiếp hoàn toàn cực đoan ngoảnh mặt với thời cuộc chắc chắn không đúng. Nhưng trách ông xu thời, cơ hội thì càng không có cơ sở. Khi Tây Sơn nổi lên như một lực lượng chính trị mới, đại diện cho một chính quyền mới đang lên, nếu là người cơ hội biết phù thịnh bỏ suy thì chắc

hẳn đã không xảy ra chuyện Nguyễn Huệ - Quang Trung nhiều lần viết thư, cho mời ra cộng tác với triều Tây Sơn mà ông vẫn một mực từ chối. Trước thời vận mới thời Tây Sơn, không giống với nhiều người hoặc tử tiết để bảo toàn nghĩa khí, hoặc quy thuận theo cách "gặp thời thế, thế thời phải thế", La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp "ẩn không ẩn hẳn, ra không ra hẳn", "làm quan thì làm quan trên núi trại, nhận chức thì chỉ nhận chức giáo dục quốc dân. Lúc thấy đạo khó đạt thì thôi, không sợ uy quyền, không tổn danh giá" (25). Bên cạnh đó, việc cuối cùng nhận lời giúp Tây Sơn, ngoài cho thấy sự chân thành và bền bỉ để cảm hóa được La Sơn phu tử, còn cho thấy Nguyễn Thiếp không hoàn toàn thoát tục, lánh đời mà vẫn mang lòng ưu hoạn với đời, sẵn sàng ra giúp nước để cải cách thói tục, đạo đức, lối học trong dân gian khi gặp được đấng minh quân đủ tin cậy. Tiếc rằng, thêm một lần nữa thời thế không ủng hộ phu tử! Quang Trung mất đột ngột khiến những ý tưởng và dự án dang dở liên quan đến dịch sách, dạy học ở Sùng Chính viện phải dừng lại. Nguyễn Thiếp ở tuổi 70 khó tìm được thêm động lực để thi triển tiếp những gì mà một nhà tri thức Nho học phải làm theo lí tưởng "tề gia, trị quốc, bình thiên hạ".

Hành đạo tùy thời nhưng thế thời lại bất ổn. Đây cũng chính là bi kịch của nhà nho - trí thức La Sơn phu tử. Hoàng Xuân Hãn, đã đưa ra luận điểm có tính tổng kết toàn bộ cuộc đời của Nguyễn Thiếp một cách khá thuyết phục: "Ta chỉ tiếc rằng một người có đạo đức, có mưu trí, có thật học như phu tử, mà lúc trẻ thì lỗi thời trẻ, lúc già thì lỗi thời già, cho đến đỗi, tuy sống hơn 80 năm mà không gặp một vận hội nào hợp với tính tình để thi thố tài trí" (26).

Thứ hai, những hành xử của Nguyễn Thiếp với vua Lê, chúa Trịnh, vua Quang Trung và cả chúa Nguyễn Ánh ngoài cho thấy một sự hành đạo tùy thời còn là biểu hiện sinh động cho sự tiếp thu Nho giáo của giới trí thức Nho học ở Việt Nam.

Là người luôn trọng đạo, giữ đạo, đề cao những giá trị đạo đức của Nho giáo, nhưng Nguyễn Thiếp không quá máy móc theo đạo tam cương, không quá cực đoan đến mức kẻ bề tôi chỉ thờ một chủ hay tín điều ngu muội theo kiểu "Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung; phụ xử tử vong, tử bất vong bất hiếu". Nguyễn Thiếp đề cao Tống Nho, tôn thờ Chu Công Đán, Trình Hạo, Trình Di... nhưng ông không ảnh hưởng góc nhìn hay cách diễn dịch có phần bảo thủ, cực đoan của Tống Nho. Thay vì học theo gương Bá Di, Thúc Tề bỏ lên núi Thú Dương thà chết chứ không theo về chủ mới, La Sơn phu tử đã không lựa chọn cách "ngu trung" mà hành đạo theo bằng cả tri thức và tỉnh thức theo quan điểm của riêng mình: hữu đạo thì xuất sĩ, mà "*gặp thời vô đạo thì ẩn*" (27).

Đây là một trong những người thực, việc thực góp phần minh chứng cho sự "khúc xạ" của Nho giáo ở Việt Nam mà chính các học giả Trung Quốc cũng phải thừa nhận. Tôn Diễn Phong, khi bàn về "Sự biến đổi, khác biệt của tư tưởng Nho giáo ở Việt Nam" đã phân tích: Giống như ở Trung Quốc, người Việt Nam cũng nói đến "trung". Tuy nhiên, họ lí giải chữ "trung" ngoài hàm nghĩa "trung thành", "trung quân" còn có một hàm nghĩa nữa, đó là "trung với nước", đồng thời xem đó là sự thể hiện cao nhất của chữ "trung". Ví dụ, ở Trung Quốc, khi bị ngoại tộc xâm lược, xã tắc đổ nát, quốc gia đứng trước thời khắc sinh tử, tồn vong. Văn quan sẵn sàng chết để khuyên can nhà vua cũng

có, võ quan sẵn sàng chết nơi chiến trường để chặn giặc cũng có, những trí thức vì đại nghĩa thà chết chứ không chịu khuất phục kẻ thù cũng có, nhưng người dám đứng lên kêu gọi vì đại cục của quốc gia, xuất phát từ lợi ích cao nhất của dân tộc mà đưa ra chủ trương phế bỏ/từ bỏ hôn quân hoàng đế, lấy sự cứu vãn an nguy cho xã tắc làm trọng, nhất là với Nho sinh thì quả là cực hiếm (28). Trình Lâm Huy, cũng cho rằng cả hai phạm trù đạo đức "trung" và "hiếu" khi sang Việt Nam đều có cách lí giải khác với Trung Quốc. Người Việt Nam khi giải thích "trung" nghĩa là tận trung với nước, "hiếu" tức là tận hiếu với dân, thì đó chính là sự cụ thể hóa một cách mạnh mẽ ý thức dân tộc và tinh thần yêu nước (29).

Tóm lại, Nguyễn Thiếp đã thực hành những luân thường đạo lí của Nho giáo một cách "tùy thời", chứ không quá cực đoan máy móc nếu chưa nói là đã có sự vận dụng linh hoạt tùy hoàn cảnh của mình.

Dù gì thì với cách hành xử của mình, La Sơn Phu tử đã nêu cao một tấm gương sáng. Với tài năng và cốt cách của một nhà nho - trí thức thực xứng với hai chữ "phu tử" đã được dành tặng, học giả Hoàng Xuân Hãn rất có lí khi nêu ra đề xuất từ cách đây nửa thế kỉ: "Trong các Khổng miếu mà nay vẫn còn, ta thờ bảy mươi hai ông hiền mà ta quên cả tên, cả sự nghiệp, sao ta không thay bằng các tiền nho ta như Chu Văn An, Phạm Sư Mạnh, Nguyễn Bỉnh Khiêm và La Sơn phu tử" (30).

CHÚ THÍCH

(1). Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí,* tập 1 (bản dịch), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 19.

(2). Phạm Đình Hổ, *Vũ trung tùy bút* (bản dịch), Nxb. Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 1998, tr.146-147 (bản điện tử).

(3), (4). Nguyễn Thừa Hỷ, "Về nhân cách của người nho sĩ - quan liêu thời Lê - Trịnh", Kỉ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ ba, Hà Nội, 2008, bản điện tử file đơn kí hiệu VNH3.TB1.377, tr.2, 1.

(5), (24). Nguyễn Sĩ Cẩn, *Thơ La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp*, Nxb. Nghệ An, Nghệ An, 1998, tr.28, 58.

(6), (7), (8), (9), (13), (14), (15), (19), (23), (25), (26), (27), (30). Dẫn theo: Hoàng Xuân Hãn, *La Sơn phu tử*, Nxb. Minh Tân, Paris, 1952, tr.103, 105, 120, 180, 185, 186, 188, 206, 212, 212, 212, 210, 212.

(10), (11), (16), (18). Lê Thúc Thông, "Nam sử liệt truyện khảo cứu", Tạp chí *Nam Phong*, số 102 - 1926, tr. 47, 49, 49, 49.

(12). Vũ Đức Phúc, "Từ Ngô Thì Nhậm đến trào lưu văn học Tây Sơn", Tạp chí *Văn học,* số 4, 1973, tr.16.

(17). Nguyên văn: 卿, 齒 德 俱 優，最 决 人 望. 还 山 之 日, 当 自 陶 淑 多 士

(20). Tạ Ngọc Liễn, "Nguyễn Thiếp", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 164 - 1975, tr. 17.

(21). Vũ Duy Mền, "La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp (1724 - 1804) - Người thầy danh tiếng xứ Hồng Lam", *Chuyên san KHXH&NV Nghệ An*, số 10-2014.

(22). Phạm Văn Đức, Nguyễn Tài Đông, "Trách nhiệm xã hội của trí thức Nho giáo Việt Nam xưa", Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 6 - 2013, tr. 35.

(28). Tôn Diễn Phong, "Sự biến đổi, khác biệt của tư tưởng Nho giáo ở Việt Nam", *Học báo Học viện ngoại ngữ Giải phóng quân*, kì 2, 2005, tr. 116.

(29). Trình Lâm Huy, "Sự truyền bá và ảnh hưởng của Nho học ở Việt Nam", Học *báo Đại học Nam Xương (bản KHXH&NV),* kì 6, 2005, tr.122.